

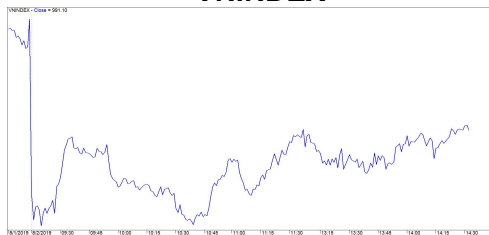
Market Today: Chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 1,000 điểm

02/08/2019

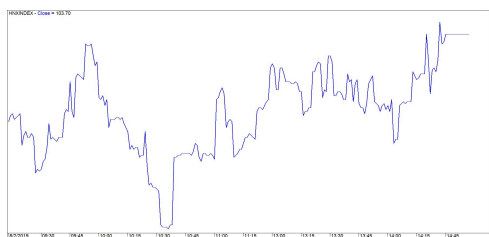
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	991.10	103.70	58.58
% ngày	-0.63%	-0.17%	-0.44%
% tuần	-0.23%	-2.54%	-0.41%
% tháng	3.03%	0.23%	6.59%
% năm	3.94%	-1.85%	16.74%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,667	416	376
TB 1 tuần	4,328	394	397
TB 1 tháng	3,843	398	344
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	376.90	13.98	46.98
Bán	578.37	7.44	22.45
Giá trị ròng	-201.47	6.54	24.52
Độ rộng TT			
Mã Tăng	139	83	221
Mã Giảm	159	84	103
Không Đổi	90	200	568
Chỉ số chính			
P/E	16.76	9.31	19.31
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,372	189	1,016
LS Cổ tức	1.53%	3.02%	6.30%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường sụt giảm mạnh ngay từ đầu phiên sau thông tin áp thuế vào hàng hóa Trung Quốc của Tổng thống Mỹ Donald Trump. VN-Index giảm xuống 986 điểm tương ứng mức giảm hơn 1% nhưng dần hồi phục từ mức này. Chỉ số chốt phiên thu hẹp mức giảm còn 0.63% tạm dừng tại 991.1 điểm, chỉ số HNX-Index giảm 0.17% dừng tại 103.7 điểm, chỉ số Upcom-Index cũng trượt 0.44% neo tại 58.58 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt mức 4,000 tỷ đồng.

Mặc dù có phiên giảm điểm nhưng tâm lý thị trường bớt tiêu cực khi một số cổ phiếu Ngân hàng như VPB(+3%), STB(+1%), BID(+1%) hồi phục trong khi các cổ phiếu còn lại trong nhóm chỉ giảm nhẹ. PNJ cũng là cổ phiếu đáng chú ý khi có phiên tăng mạnh thứ 2 liên tiếp với mức tăng 2.8% đạt 1,2 nghìn cổ phiếu được khớp lệnh. Trong khi đó, một số nhóm ngành tiếp tục nhận dòng tiền tham gia tích cực như nhóm cổ phiếu họ Viettel (CTR(+15%), VGI(+9.2%), VTK(7.5%)), nhóm Bất động sản như DRH(+6.5%), IJC(+6.5%), SZL(+3.9%), SIP(+8.9%), SNZ(+13%), SZC(+2.3%). VN30-Index kết phiên chỉ giảm hơn 2 điểm tương ứng 0.24% trong khi nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ giao dịch tích cực khi VNSML-Index tăng 0.77% và VN MID-Index giảm 0.24%.

Khối ngoại có cái nhìn thận trọng về thị trường khi bán ròng với giá trị hơn 170 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, PLX(23 tỷ), MSN(18 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách mua ròng. Ở chiều ngược lại, VJC(109 tỷ), HPG(46 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trong phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại ngưỡng tâm lý 1,000 điểm. Áp lực bán tháo không xảy ra và lực cầu có dấu hiệu cải thiện tại mức giá thấp cho thấy khả năng điều chỉnh mạnh có thể sẽ không xảy ra. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư ngắn hạn đã cải thiện tích cực hơn, nhưng tâm lý bi quan vẫn chủ đạo. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân ngắn hạn gia tăng trở lại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 979.61 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 106.82 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể nắm giữ và tăng tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

Quan điểm trung hạn: Thị trường vẫn đang trong xu hướng TĂNG trung hạn, nhưng trạng thái xu hướng vẫn chưa rõ ràng. Tỷ trọng cổ phiếu đang ở mức cân bằng cho nên các nhà đầu tư trung hạn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ phiếu Largecaps trên sàn HSX.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 39% cổ phiếu/61% tiền.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 49% cổ phiếu/51% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.85	GIẢM	TĂNG		18.70			16.85	17.01	5.93%	
ACB	22.30	GIẢM	GIẢM		23.82				24.18		
ACV	82.50	GIẢM	TĂNG		85.28			90.00	81.77	-8.33%	
ANV	26.20	GIẢM	GIẢM		27.24				30.40		
ASM	6.03	GIẢM	GIẢM		6.53				7.60		
BFC	16.10	GIẢM	GIẢM		17.19				19.43		
BID	35.80	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	9.65%		33.40	31.60	7.19%	
BMP	48.90	GIẢM	TĂNG		50.67			48.30	44.48	1.24%	
BSR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.59				12.90		
BVH	83.00	GIẢM	TĂNG		87.14			85.40	76.69	-2.81%	
BWE	26.20	GIẢM	TĂNG		27.20			20.00	25.45	31.00%	
CEO	10.20	GIẢM	GIẢM		10.77				11.33		
CII	21.80	GIẢM	GIẢM		22.37				23.79		
CMG	38.70	GIẢM	TĂNG		39.99			23.20	34.35	66.81%	
CMX	29.30	TĂNG	TĂNG	23.75	25.36	23.37%		5.91	21.62	395.77%	
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		15.06			14.39	14.22	1.46%	
CTD	113.00	TĂNG	TĂNG	102.00	107.20	10.78%		112.70	97.13	0.27%	
CTG	20.35	GIẢM	GIẢM		21.33				22.80		
CTI	23.15	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	52.20	TĂNG	N/A	28.80	40.87	81.25%		-	N/A		
CVT	19.40	GIẢM	TĂNG		20.36			20.35	18.32	-4.67%	
DCM	8.17	GIẢM	GIẢM	8.50	8.25	-2.99%			8.53		
DGC	31.60	TĂNG	TĂNG	31.30	30.78	0.96%		31.90	27.35	-0.94%	
DGW	22.65	GIẢM	TĂNG		23.34			23.50	21.23	-3.62%	
DHA	36.55	TĂNG	TĂNG	32.25	34.73	13.33%		29.10	32.95	25.60%	
DHC	35.65	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-0.97%		35.20	33.00	1.28%	
DHG	95.00	GIẢM	GIẢM		101.83				113.13		
DIG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.89				14.54		
DPG	46.00	TĂNG	TĂNG	39.40	41.45	16.75%		40.02	34.78	14.95%	
DPM	14.00	GIẢM	GIẢM		14.98				16.72		
DPR	46.50	TĂNG	TĂNG	45.50	41.51	2.20%		42.50	40.21	9.41%	
DQC	18.20	GIẢM	GIẢM		19.37				20.27		
DRC	19.50	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	17.60	GIẢM	GIẢM		18.55				20.75		

We Create Fortune

EIB	17.75	GIẢM	TĂNG		18.55			14.70	16.88	20.75%	
FCN	13.45	GIẢM	TĂNG		13.92			16.05	13.18	-16.20%	
FMC	29.95	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	3.45%			30.62		
FPT	48.80	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.96%		46.00	45.47	6.09%	
GAS	106.00	GIẢM	GIẢM	108.90	106.14	-2.53%	BÁN		113.06		
GEX	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.92	2.25%			23.15		
GIL	24.50	GIẢM	GIẢM		25.73				29.00		
GMD	26.00	GIẢM	GIẢM		26.66				27.99		
GTN	19.60	TĂNG	TĂNG	18.80	17.43	4.26%		15.00	16.37	30.67%	
GVR	15.50	TĂNG	N/A	13.50	13.92	14.81%			N/A		
HAG	4.82	GIẢM	GIẢM		5.31				5.62		
HAX	19.20	GIẢM	TĂNG		19.37			15.75	17.24	21.90%	
HBC	13.95	GIẢM	GIẢM		14.17				16.53		
HCM	21.05	GIẢM	GIẢM		22.38				25.61		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.62%			28.56		
HDC	16.40	TĂNG	TĂNG	15.25	15.47	7.54%		15.25	13.82	7.54%	
HDG	37.30	TĂNG	TĂNG	32.70	34.91	14.07%		35.30	31.88	5.67%	
HNG	17.50	GIẢM	TĂNG		18.65			17.10	16.59	2.34%	
HPG	22.45	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HSG	7.30	GIẢM	TĂNG		7.58			9.30	7.01	-21.51%	
HT1	15.55	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	5.07%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.60				3.07		
HVN	40.00	GIẢM	TĂNG		42.76			39.00	38.75	2.56%	
KBC	15.25	GIẢM	TĂNG		15.32			15.35	14.17	-0.65%	
KDH	22.90	TĂNG	GIẢM	22.90	21.79	0.00%			23.94		
KSB	22.95	TĂNG	GIẢM	22.95	21.52	0.00%	MUA		24.84		
LCG	9.95	GIẢM	GIẢM		10.39				11.44		
LDG	8.18	TĂNG	GIẢM	8.18	8.17	0.00%	MUA		9.54		
LHG	18.05	GIẢM	TĂNG		18.44			19.30	17.32	-6.48%	
LPB	8.00	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-4.76%			8.51		
LSS	5.39	TĂNG	GIẢM	5.39	5.38	0.00%	MUA		5.84		
MBB	21.95	GIẢM	TĂNG		22.78			21.85	20.88	0.46%	
MPC	35.90	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	0.56%			40.20		
MSN	79.00	TĂNG	GIẢM	80.70	77.22	-2.11%			86.73		
MSR	17.00	GIẢM	GIẢM		17.55				20.63		
MWG	108.00	GIẢM	TĂNG		109.96			88.70	99.40	21.76%	
NDN	17.50	TĂNG	TĂNG	14.10	16.61	24.11%		13.70	14.96	27.74%	
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.31				7.00		
NLG	31.00	TĂNG	TĂNG	29.90	29.62	3.68%		28.70	27.83	8.01%	

We Create Fortune

NT2	25.00	GIẢM	GIẢM		26.10				27.88		
NTL	25.90	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	12.85%		10.45	22.13	147.85%	
NVL	60.10	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.00	GIẢM	GIẢM		11.58				12.65		
PAC	31.00	GIẢM	GIẢM		33.30				36.90		
PC1	16.55	GIẢM	GIẢM		17.66				19.79		
PDR	27.20	TĂNG	TĂNG	24.10	26.21	12.86%		29.00	24.63	-6.21%	
PHR	74.00	TĂNG	TĂNG	61.20	67.12	20.92%		24.00	59.28	208.33%	
PLX	65.00	TĂNG	TĂNG	64.20	64.21	1.25%		62.40	59.59	4.17%	
PNJ	80.40	TĂNG	TĂNG	77.00	75.10	4.42%		104.00	72.08	-22.69%	
POW	14.00	GIẢM	TĂNG		14.53			15.70	13.92	-10.83%	
PVT	18.30	TĂNG	TĂNG	17.45	17.31	4.87%		18.30	17.62	0.00%	MUA
PPC	25.15	GIẢM	GIẢM		26.81				31.62		
PTB	67.90	GIẢM	TĂNG		68.09			64.00	64.57	6.09%	
PVB	21.00	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	3.96%		20.10	17.72	4.48%	
PVD	16.20	GIẢM	TĂNG		17.25			18.50	16.14	-12.43%	
PVI	36.40	GIẢM	GIẢM		37.35				39.70		
PVS	21.90	GIẢM	TĂNG		23.25			21.10	21.47	3.79%	
PXS	5.90	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	3.51%		4.85	4.61	21.65%	
QNS	31.30	TĂNG	TĂNG	33.80	30.55	-7.40%		33.80	28.02	-7.40%	
REE	33.00	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-0.98%	
SAB	280.00	GIẢM	TĂNG		289.12			245.00	259.03	14.29%	
SAM	8.12	GIẢM	TĂNG		8.28			7.40	7.69	9.73%	
SCR	6.93	GIẢM	GIẢM		7.11				7.54		
SHI	8.80	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.89%		6.99	7.47	25.89%	
SJS	17.30	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.93		
SKG	11.40	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	23.05	GIẢM	GIẢM		24.02				26.85		
STB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.04				12.32		
TCB	20.55	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-3.97%			22.88		
TCM	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	26.05	0.00%	MUA		29.84		
TDH	9.20	GIẢM	TĂNG		9.51			11.65	9.17	-21.03%	
TLH	4.75	TĂNG	GIẢM	4.75	4.73	0.00%	MUA	5.85	4.80	-18.00%	BÁN
TNG	19.70	GIẢM	TĂNG		20.14			12.00	18.79	64.17%	
VCB	79.10	TĂNG	TĂNG	69.20	77.90	14.31%		62.00	71.23	27.58%	
VCG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.00	26.99	0.00%	MUA	19.20	24.08	40.63%	
VCS	85.00	TĂNG	TĂNG	81.10	73.62	4.81%		68.00	67.87	25.00%	
VGC	19.10	GIẢM	GIẢM		19.96				20.64		
VGT	9.50	GIẢM	GIẢM		9.88				11.26		



We Create Fortune

VHC	89.00	GIẢM	GIẢM		90.59			95.80		
VHM	90.20	GIẢM	TĂNG		90.75		90.20	87.75	0.00%	MUA
VIB	18.80	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	10.59%	17.70	16.94	6.21%	
VIC	122.50	TĂNG	TĂNG	119.80	119.27	2.25%	112.00	110.67	9.38%	
VIP	4.90	GIẢM	GIẢM		5.23			5.95		
VJC	132.40	TĂNG	TĂNG	123.30	130.56	7.38%	124.50	124.10	6.35%	
VND	14.80	GIẢM	GIẢM		15.24			16.46		
VNG	19.35	GIẢM	GIẢM		19.91			21.56		
VNM	124.00	GIẢM	GIẢM		126.20			133.60		
VPB	19.05	GIẢM	GIẢM		19.05			19.82		
VPI	42.00	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.47%		42.86		
VRC	15.30	TĂNG	GIẢM	15.30	15.29	0.00%	MUA	16.46		
VRE	36.25	GIẢM	TĂNG		37.85		35.00	33.61	3.57%	
VSC	27.90	GIẢM	GIẢM		28.98			33.85		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.30	GIẢM	GIẢM		23.82				24.18		
BID	35.80	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	9.65%		33.40	31.60	7.19%	
BSR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.59				12.90		
BVH	83.00	GIẢM	TĂNG		87.14			85.40	76.69	-2.81%	
CTG	20.35	GIẢM	GIẢM		21.33				22.80		
EIB	17.75	GIẢM	TĂNG		18.55			14.70	16.88	20.75%	
FPT	48.80	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.96%		41.00	45.47	19.03%	
GAS	106.00	GIẢM	GIẢM	108.90	106.14	-2.53%	BÁN		113.06		
HDB	26.05	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.62%			28.56		
HNG	17.50	GIẢM	TĂNG		18.65			17.10	16.59	2.34%	
HPG	22.45	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HVN	40.00	GIẢM	TĂNG		42.76			39.00	38.75	2.56%	
KDH	22.90	TĂNG	GIẢM	22.90	21.79	0.00%			23.94		
MBB	21.95	GIẢM	TĂNG		22.78			21.27	20.88	3.19%	
MSN	79.00	TĂNG	GIẢM	80.70	77.22	-2.11%			86.73		
MWG	108.00	GIẢM	TĂNG		109.96			88.70	99.40	21.76%	
NVL	60.10	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.00	GIẢM	GIẢM		11.58				12.65		
PLX	65.00	TĂNG	TĂNG	64.20	64.21	1.25%		59.97	59.59	8.39%	

We Create Fortune

PNJ	80.40	TĂNG	TĂNG	77.00	75.10	4.42%		77.88	72.08	3.23%	
POW	14.00	GIẢM	TĂNG		14.53			15.70	13.92	-10.83%	
PVS	21.90	GIẢM	TĂNG		23.25			21.10	21.47	3.79%	
QNS	31.30	TĂNG	TĂNG	33.80	30.55	-7.40%		33.80	28.02	-7.40%	
REE	33.00	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-0.98%	
ROS	27.50	GIẢM	TĂNG		28.30			34.80	27.33	-20.98%	
SSI	23.05	GIẢM	GIẢM		24.02				26.85		
STB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.04				12.32		
TCB	20.55	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-3.97%			22.88		
TPB	22.15	GIẢM	GIẢM		23.28				N/A		
VCB	79.10	TĂNG	TĂNG	69.20	77.90	14.31%		62.00	71.23	27.58%	
VCG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.00	26.99	0.00%	MUA	18.44	24.08	46.41%	
VEA	59.30	GIẢM	GIẢM		63.24				N/A		
VGI	33.10	TĂNG	GIẢM	29.50	28.73	12.20%			N/A		
VHM	90.20	GIẢM	TĂNG		90.75			90.20	87.75	0.00%	MUA
VIB	18.80	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	10.59%		17.70	16.94	6.21%	
VIC	122.50	TĂNG	TĂNG	119.80	119.27	2.25%		112.00	110.67	9.38%	
VJC	132.40	TĂNG	TĂNG	123.30	130.56	7.38%		124.50	124.10	6.35%	
VNM	124.00	GIẢM	GIẢM		126.20				133.60		
VPB	19.05	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VRE	36.25	GIẢM	TĂNG		37.85			34.00	33.61	6.63%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.85	GIẢM	TĂNG		18.70			16.85	17.01	5.93%	
ANV	26.20	GIẢM	GIẢM		27.24				30.40		
ASM	6.03	GIẢM	GIẢM		6.53				7.60		
BMP	48.90	GIẢM	TĂNG		50.67			48.30	44.48	1.24%	
BWE	26.20	GIẢM	TĂNG		27.20			19.44	25.45	34.77%	
C4G	8.20	TĂNG	GIẢM	8.70	8.18	-5.75%		-	10.05		
CEO	10.20	GIẢM	GIẢM		10.77				11.33		
CII	21.80	GIẢM	GIẢM		22.37				23.79		
CRE	25.10	TĂNG	GIẢM	25.55	24.88	-1.76%		-	26.06		
CTI	23.15	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	52.20	TĂNG	#N/A	28.80	40.87	81.25%		-	#N/A		
DCM	8.17	GIẢM	GIẢM	8.50	8.25	-2.99%	BÁN		8.53		

We Create Fortune

DHC	35.65	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-0.97%		35.20	33.00	1.28%	
DIG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.89				14.54		
DPM	14.00	GIẢM	GIẢM		14.98				16.72		
DRC	19.50	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	17.60	GIẢM	GIẢM		18.55				20.75		
E1VFN30	14.66	TĂNG	GIẢM	14.59	14.49	0.48%			15.16		
FCN	13.45	GIẢM	TĂNG		13.92			16.05	13.18	-16.20%	
FLC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.16				4.57		
FTM	24.00	GIẢM	TĂNG		24.82			16.25	22.18	47.69%	
GEG	26.70	TĂNG	TĂNG	22.80	24.69	17.11%		12.90	21.68	106.98%	
GEX	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.92	2.25%			23.15		
GMD	26.00	GIẢM	GIẢM		26.66				27.99		
GTN	19.60	TĂNG	TĂNG	18.80	17.43	4.26%		15.00	16.37	30.67%	
GVR	15.50	TĂNG	#N/A	13.50	13.92	14.81%		-	#N/A		
HAG	4.82	GIẢM	GIẢM		5.31				5.62		
HBC	13.95	GIẢM	GIẢM		14.17				16.53		
HCM	21.05	GIẢM	GIẢM		22.38				25.61		
HDG	37.30	TĂNG	TĂNG	32.70	34.91	14.07%		35.30	31.88	5.67%	
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	26.60	25.86	-0.38%		-	#N/A		
HSG	7.30	GIẢM	TĂNG		7.58			8.45	7.01	-13.63%	
HT1	15.55	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	5.07%	
IBC	21.20	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.44%		24.90	20.15	-14.86%	
IDI	6.25	GIẢM	GIẢM		6.81				8.16		
IJC	13.10	TĂNG	TĂNG	11.35	11.73	15.42%		13.10	11.50	0.00%	MUA
ITA	3.09	GIẢM	TĂNG		3.15			3.20	2.83	-3.44%	
KBC	15.25	GIẢM	TĂNG		15.32			15.35	14.17	-0.65%	
KSB	22.95	TĂNG	GIẢM	22.95	21.52	0.00%	MUA		24.84		
LDG	8.18	TĂNG	GIẢM	8.18	8.17	0.00%	MUA		9.54		
LPB	8.00	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-4.76%			8.51		
MBS	15.70	TĂNG	TĂNG	16.10	15.37	-2.48%		16.00	13.39	-1.88%	
MPC	35.90	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	0.56%			40.20		
NBB	21.40	GIẢM	TĂNG		22.63			21.50	19.30	-0.47%	
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.31				7.00		
NLG	31.00	TĂNG	TĂNG	29.90	29.62	3.68%		28.70	27.83	8.01%	
NT2	25.00	GIẢM	GIẢM		26.10				27.88		
NTC	192.70	TĂNG	TĂNG	144.00	175.19	33.82%		120.00	154.70	60.58%	
NTL	25.90	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	12.85%		9.33	22.13	177.56%	
NVB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.10				9.00		

We Create Fortune

OGC	3.86	GIẢM	GIẢM		4.06			4.66		
PC1	16.55	GIẢM	GIẢM		17.66			19.79		
PDR	27.20	TĂNG	TĂNG	24.10	26.21	12.86%	23.60	24.63	15.28%	
PHR	74.00	TĂNG	TĂNG	61.20	67.12	20.92%	22.86	59.28	223.65%	
PPC	25.15	GIẢM	GIẢM		26.81			31.62		
PTB	67.90	GIẢM	TĂNG		68.09		60.78	64.57	11.71%	
PVD	16.20	GIẢM	TĂNG		17.25		18.50	16.14	-12.43%	
PVI	36.40	GIẢM	GIẢM		37.35			39.70		
PVT	18.30	TĂNG	TĂNG	17.45	17.31	4.87%	18.30	17.62	0.00%	MUA
QCG	4.56	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	-1.30%		5.32		
SAM	8.12	GIẢM	TĂNG		8.28		7.40	7.69	9.73%	
SBT	16.80	TĂNG	GIẢM	16.75	16.07	0.30%		17.67		
SCR	6.93	GIẢM	GIẢM		7.11			7.54		
SHB	6.60	GIẢM	GIẢM		6.91			7.42		
SHS	8.50	GIẢM	GIẢM		9.36		10.55	9.22	-12.64%	BÁN
SJS	17.30	GIẢM	GIẢM		17.86			19.93		
STK	22.95	GIẢM	TĂNG		23.24		17.00	21.12	35.00%	
SZC	24.90	TĂNG	#N/A	20.45	21.55	21.76%	-	#N/A		
TCH	22.45	TĂNG	GIẢM	22.05	21.38	1.81%		22.45		
TCM	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	26.05	0.00%	MUA	29.84		
TNG	19.70	GIẢM	TĂNG		20.14		12.00	18.79	64.17%	
TTB	24.50	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	8.41%	24.50	24.16	0.00%	MUA
VCI	33.20	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	2.79%		35.72		
VGT	9.50	GIẢM	GIẢM		9.88			11.26		
VHC	89.00	GIẢM	GIẢM		90.59			95.80		
VND	14.80	GIẢM	GIẢM		15.24			16.46		
VNG	19.35	GIẢM	GIẢM		19.91			21.56		
VPI	42.00	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.47%		42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.40	TĂNG	#N/A	9.40	9.82	10.64%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.14	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	3.76%	
AMD	1.67	GIẢM	GIẢM		1.81			2.08			
APG	9.12	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	7.29%		9.90	7.90	-7.88%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.51			2.95			

We Create Fortune

BCC	8.10	GIẢM	TĂNG		8.57			7.70	7.70	5.19%	
BCG	6.00	TĂNG	TĂNG	5.82	5.65	3.09%		6.39	5.41	-6.10%	
C69	20.30	TĂNG	TĂNG	8.80	18.53	130.68%		5.30	15.89	283.02%	
CCL	7.05	TĂNG	TĂNG	6.38	6.44	10.50%		3.46	5.40	103.76%	
CRC	16.15	TĂNG	GIẢM	15.05	15.86	7.31%			17.35		
CVT	19.40	GIẢM	TĂNG		20.36			20.35	18.32	-4.67%	
DAG	6.80	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	3.82%		7.09	5.92	-4.09%	MUA
DAH	13.00	GIẢM	TĂNG		14.08			4.66	11.21	178.72%	
DGW	22.65	GIẢM	TĂNG		23.34			23.50	21.23	-3.62%	
DLG	1.50	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	7.22	TĂNG	GIẢM		6.94				7.76		
DTD	14.50	GIẢM	TĂNG		14.62			12.90	12.45	12.40%	
EVG	2.75	GIẢM	GIẢM	2.87	2.82	-1.83%			3.02		
FIT	3.30	GIẢM	TĂNG		3.56			3.64	3.03	-9.34%	
GKM	14.70	GIẢM	GIẢM		15.32			11.42	14.95	30.87%	
HAH	13.35	TĂNG	TĂNG	12.80	12.96	4.30%		13.00	11.93	2.69%	
HAI	1.74	GIẢM	GIẢM		1.89				1.93		
HAP	3.45	GIẢM	TĂNG		3.59			3.67	3.25	-5.99%	
HAR	3.26	GIẢM	GIẢM		3.55			3.71	4.36	17.51%	BÁN
HCD	3.74	GIẢM	GIẢM		4.00				4.34		
HDA	12.70	TĂNG	TĂNG	10.50	11.89	20.95%		11.30	10.57	12.39%	
HDC	16.40	TĂNG	TĂNG	15.25	15.47	7.54%		15.25	13.82	7.54%	
HHP	12.50	GIẢM	GIẢM		14.32				15.86		
HHS	3.11	GIẢM	GIẢM		3.36				3.67		
HII	11.50	TĂNG	GIẢM	11.80	11.19	-2.54%			12.54		
HQC	1.37	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-4.20%			1.50		
HSL	7.82	GIẢM	GIẢM		7.84				9.33		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.60				3.07		
HVG	2.81	GIẢM	GIẢM		3.13				4.46		
HVH	26.20	GIẢM	#N/A		26.68				#N/A		
JVC	2.62	GIẢM	GIẢM		2.87				3.22		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.53				1.73		
KMR	2.80	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-23.91%	
LCG	9.95	GIẢM	GIẢM		10.39				11.44		
LGL	10.10	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	41.99%	
LHG	18.05	GIẢM	TĂNG		18.44			19.30	17.32	-6.48%	
LMH	16.50	GIẢM	#N/A		17.50			-	#N/A		
MST	2.50	GIẢM	GIẢM		2.69				3.44		
NDN	17.50	TĂNG	TĂNG	14.10	16.61	24.11%		13.10	14.96	33.54%	



We Create Fortune

PHC	12.70	GIẢM	GIẢM		12.92				13.87		
PVB	21.00	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	3.96%		20.10	17.72	4.48%	
PVC	7.60	GIẢM	TĂNG		7.95			7.10	6.67	7.04%	
PXL	5.40	GIẢM	GIẢM		5.72				7.13		
PXS	5.90	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	3.51%		4.85	4.61	21.65%	
QBS	2.88	GIẢM	GIẢM		3.08				3.36		
SFG	9.00	GIẢM	GIẢM		10.35				13.19		
SHI	8.80	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.89%		6.23	7.47	41.19%	
SJF	2.95	GIẢM	GIẢM		3.36				3.88		
SKG	11.40	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.20	GIẢM	TĂNG		9.51			11.65	9.17	-21.03%	
TIG	3.20	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	0.00%	
TLD	5.25	GIẢM	GIẢM		5.51				6.07		
TLH	4.75	TĂNG	GIẢM		4.73			5.85	4.80	-18.00%	
TNI	11.00	TĂNG	GIẢM	11.10	10.66	-0.90%			11.98		
TTF	2.99	GIẢM	GIẢM		3.23			3.99	3.03	-24.11%	
TTH	3.70	GIẢM	GIẢM		4.03				4.48		
TVB	20.50	TĂNG	TĂNG	17.40	19.44	17.82%		20.10	16.46	1.99%	MUA
TVC	14.70	TĂNG	TĂNG	12.50	13.89	17.60%		14.30	12.38	2.80%	MUA
VC3	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			22.00	21.35	3.64%	
VCR	17.10	TĂNG	GIẢM	19.60	15.70	-12.76%			26.40		
VNE	3.21	GIẢM	GIẢM		3.81				4.39		
VPG	20.60	GIẢM	TĂNG		21.21			20.46	19.34	0.71%	
VRC	15.30	TĂNG	GIẢM		15.29				16.46		
YBM	10.15	GIẢM	GIẢM		12.12				12.01		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	991.1	-0.63%
VN30	885.29	-0.24%
VN Mid	960.08	-0.24%
VN Small	816.38	0.77%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	103.7	-0.17%
HN30	192.19	0.44%
VNX AllSh	863.3	-0.31%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.58	-0.44%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	376.9	
Bán	578.37	
GT rỗng	-201.47	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	13.98	
Bán	7.44	
GT rỗng	6.54	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	46.98	
Bán	22.45	
GT rỗng	24.52	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DMC	5100	7.00%
KSB	1500	6.99%
TRC	2550	6.97%
IJC	800	6.50%
MSH	3600	5.97%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTX	3700	9.79%
TNG	1100	5.91%
IDV	2000	5.41%
VCS	3900	4.81%
BAX	2700	3.80%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTR	6800	14.98%
SNZ	3100	13.03%
HTM	1100	10.19%
IDC	1900	10.00%
BCM	2700	9.71%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ASM	-220	-3.52%
HVN	-1200	-2.91%
IDI	-170	-2.65%
HAG	-130	-2.63%
PMG	-500	-2.60%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	-1800	-9.52%
HUT	-100	-4.35%
NTP	-1300	-3.31%
PMC	-1200	-1.94%
PVS	-300	-1.35%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SDI	-2400	-3.66%
VGG	-1600	-2.75%
VEF	-3000	-2.33%
VEA	-700	-1.17%
BSR	-100	-0.91%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	416,234	
VHM	303,131	
VCB	298,565	
VNM	216,279	
GAS	207,281	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,480	
VCS	12,716	
VCG	11,617	
PVS	10,611	
PVI	8,412	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	180,356	
VGI	92,371	
VEA	79,733	
GVR	59,072	
MCH	56,672	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HNG	19,566,170	3,704,400
ROS	17,147,510	13,397,765
HPG	7,242,250	6,731,926
TCB	6,145,070	3,068,495
FLC	5,357,930	3,718,597

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	3,897,925	4,377,157
PVS	3,612,620	2,952,718
NVB	2,296,600	1,115,075
ACB	1,774,559	1,552,352
ART	1,713,230	515,680

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GVR	3,811,642	1,498,060
VGI	2,082,972	815,222
BSR	1,249,799	1,250,835
ASA	651,700	8,004
VIB	616,708	638,854

Nguồn: Bloomberg & YSVN

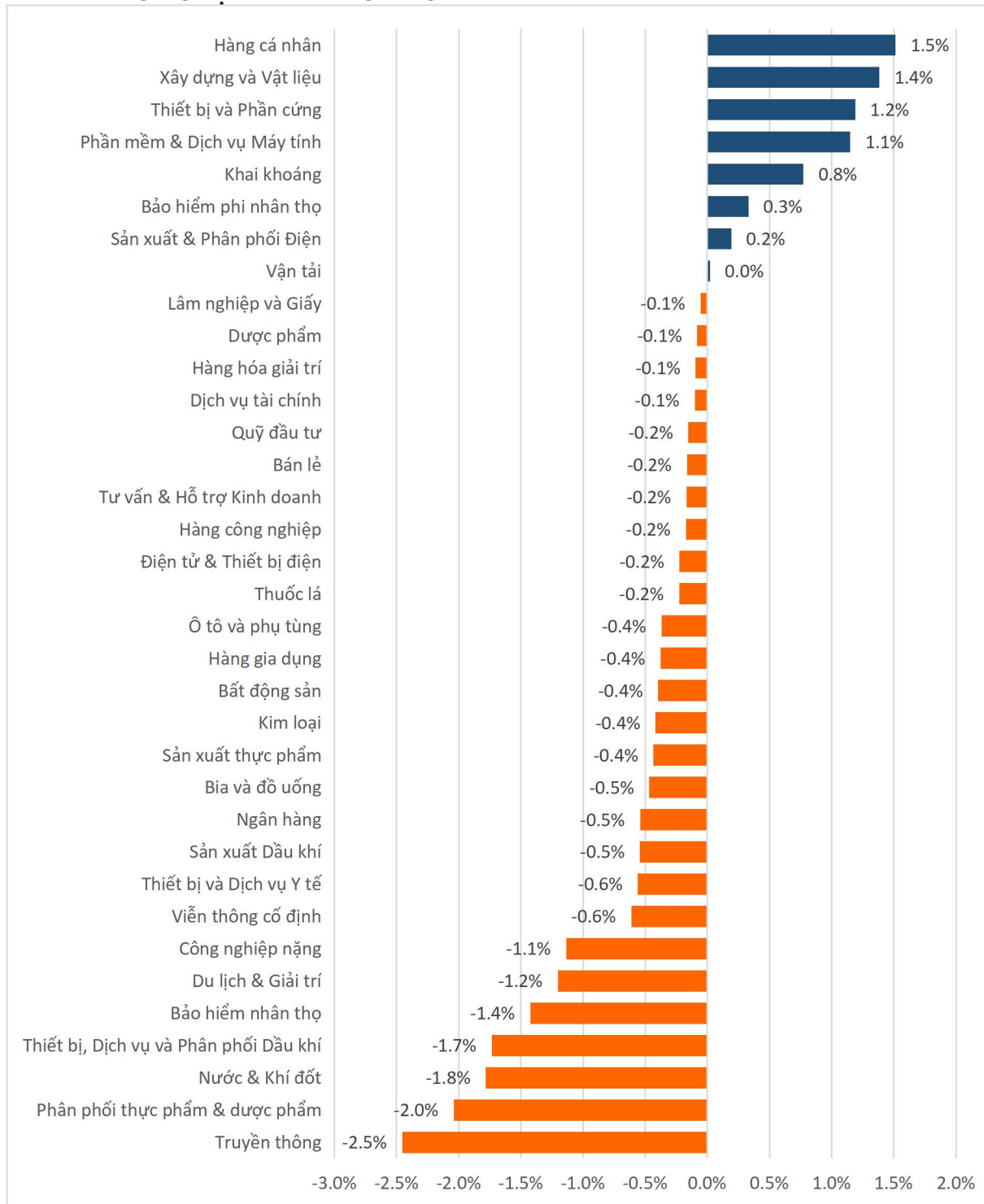
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



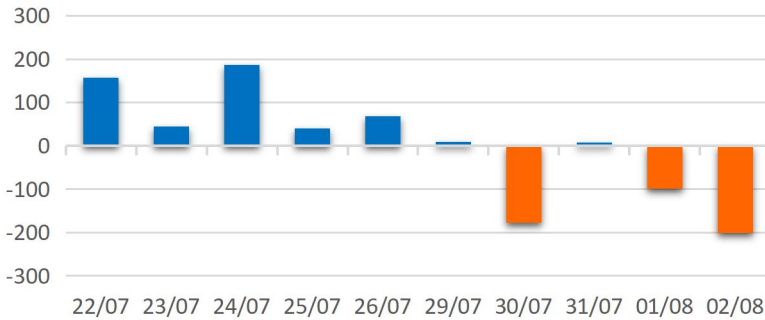
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

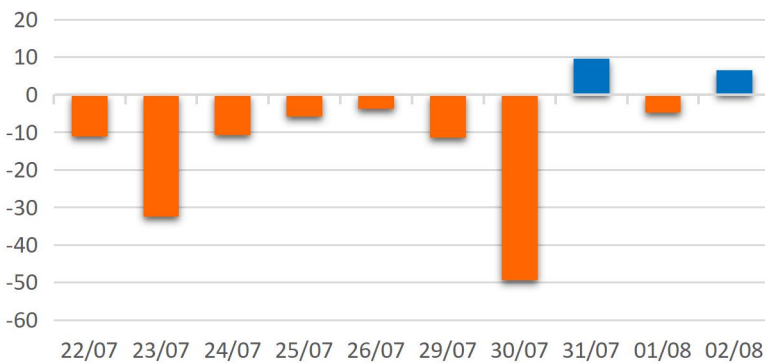
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	22,394	VJC	109,460
MSN	18,225	HPG	45,986
HDB	14,823	BVH	42,671
CTD	12,391	BID	39,904
VHM	11,332	VNM	27,635

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

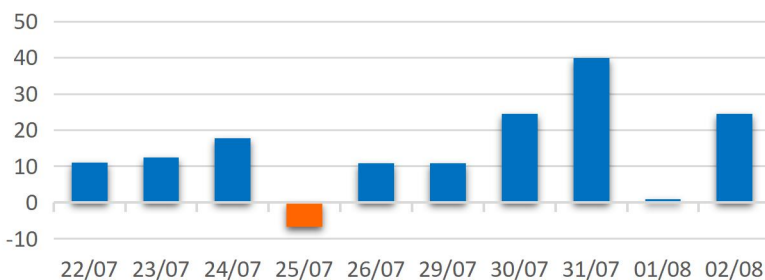
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	7,836	TNG	2,621
VCS	1,687	PMC	884
PVI	502	INN	797
SHS	307	DGC	152
CEO	135	VKC	36

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GVR	9,089	BCM	3,874
QNS	8,496	OIL	963
VEA	3,962	SAS	491
GEG	2,639	CTR	398
LPB	1,600	VGI	96

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



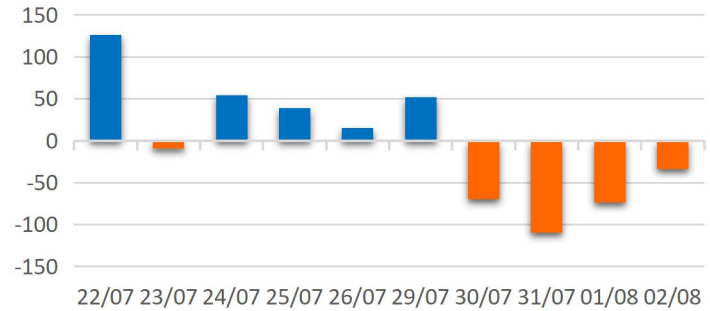
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

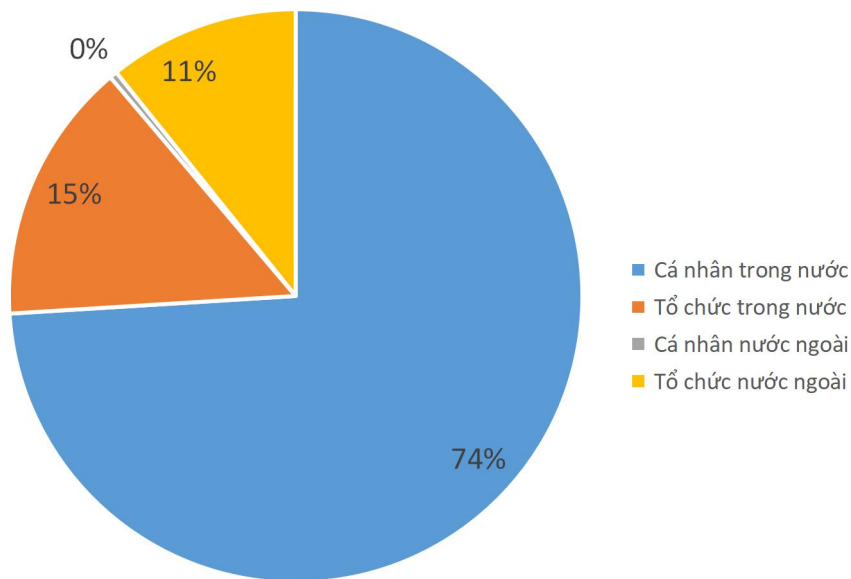
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	17,220	MWG	10,099
FPT	9,673	TCB	9,892
NVL	9,616	VNM	8,940
MBB	8,562	VIC	7,555
HPG	8,506	HDB	6,363

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

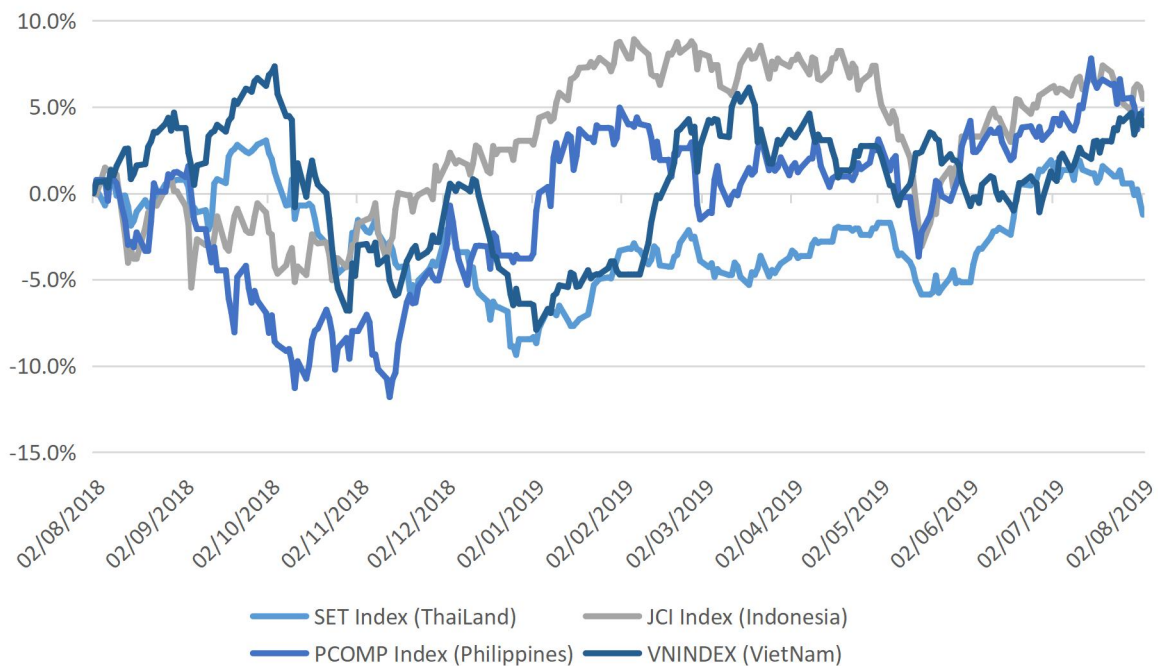


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

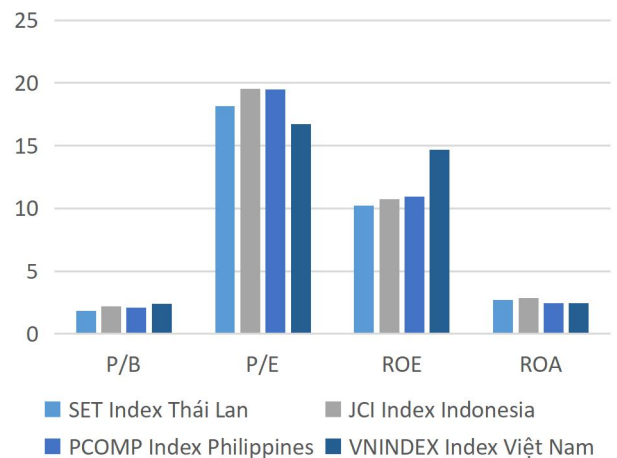
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.1x	2.4x
P/E		18.1x	19.5x	19.5x	16.7x
ROE	%	10.25	10.75	10.92	14.68
ROA	%	2.72	2.84	2.45	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	567.28	517.65	197.46	144.97
GTGD	Triệu USD	1.48	0.55	0.07	0.12
LS cổ tức	%	3.06	2.45	1.62	1.72

erg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written